TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA H'DRAI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2018/QĐST-HNGĐ	*Ia H'Drai, ngày 31 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H. Sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 6, xã I, huyện Ia H, tỉnh K. Nơi làm việc: Đội 6 Chi nhánh 716 Binh đoàn 15 Bộ Quốc phòng. Số điện thoại: 01642 479 585

Bị đơn: Anh Lương Văn T. Sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 6, xã I, huyện Ia H, tỉnh K. Số điện thoại: 0967 558 426

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Ia H, tỉnh K. Địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện Ia H, tỉnh K. Đại diện ủy quyền theo pháp luật: Ông Đinh Văn T. Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T thuận tình ly hôn;

- **Về con chung:** Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T thống nhất thỏa thuận: Giao 03 (ba) con chung tên Lương Thị Huyền T, sinh ngày 23/5/2007; Lương Thị Kim N, sinh ngày 25/9/2015 và Lương Tấn L, sinh ngày 24/01/2017 cho chị Bùi Thị H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T thống nhất thỏa thuận về việc: Anh Lương Văn T phải cấp dưỡng cho ba con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi con chung tròn 18 (Mười tám) tuổi và có khả năng lao động, chị Bùi Thị H là mẹ đẻ được nhận khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp sau đây: Người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình; Người được cấp dưỡng được nhận làm con nuôi; Người cấp dưỡng đã trực tiếp nuôi dưỡng

người được cấp dưỡng; Người cấp dưỡng hoặc người được cấp dưỡng chết; Bên được cấp dưỡng sau khi ly hôn đã kết hôn;Trường hợp khác theo quy định của luật.

Anh Lương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Thìn thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T công nhận có nợ phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum tổng số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo khế ước số 6600000702955115, ngày đến hạn trả nợ 23/11/2019. Chị H, anh T và ông Đinh Văn T cùng thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh Lương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và lãi suất vay theo thỏa thuận cho phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Ia H, tỉnh K khi đến hạn trả nợ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Áp dụng Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lương Văn T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Tổng số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chị H nhận chịu toàn bộ án phí cho anh Lương Văn T nhưng được trừ vào số tiền chị H nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2010/0008468 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai;
- UBND xã Nghĩa Minh, Nghĩa Đàn, Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Bá Nghiên